

DANH MỤC BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN CÁC ĐƠN VỊ

Tt	ĐƠN VỊ	SỐ TRANG
1	Trạm Y tế	3
2	Khoa Văn - VP	3
3	Khoa Ngoại ngữ - VP	5
4	Phòng học ngoại ngữ được cấp từ QĐ 4857/QĐ - BGDDT	2
5	Phòng học ngoại ngữ 2 - Đề án ngoại ngữ	3
6	Phòng học ngoại ngữ 1 - Đề án ngoại ngữ	3
7	Phòng học tiếng khoa Toán	3
8	Phòng khảo thí - Đề án ngoại ngữ	4
9	Phòng học ngoại ngữ - Đề án ngoại ngữ 2013	4
10	Khoa Xây dựng	4
11	Phòng Bảo vệ	2
12	Viện Công nghệ hóa sinh - Môi trường	1
13	Khoa Toán - VP	3
14	Khoa CNTT - VP	3
15	Khoa Giáo dục Chính trị	3
16	Khoa Luật	4
17	TT Tư vấn Luật	2
18	Khoa Địa lý - VP	4
19	Khoa Lịch sử - VP	3
20	Viện Kỹ thuật và Công nghệ	1
21	Khoa Vật lý - VP	2
22	Viện SP tự nhiên	2
23	Khoa Sinh học - VP	4
24	Khoa Hóa - VP	4

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà):

100
99
98
97
96
95
94
93
92
91
90
89
88
87
86
85
84
83
82
81
80
79
78
77
76
75
74
73
72
71
70
69
68
67
66
65
64
63
62
61
60
59
58
57
56
55
54
53
52
51
50
49
48
47
46
45
44
43
42
41
40
39
38
37
36
35
34
33
32
31
30
29
28
27
26
25
24
23
22
21
20
19
18
17
16
15
14
13
12
11
10
9
8
7
6
5
4
3
2
1

- Ông (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KHTC

- Ông (bà):

Chúc vu:

- Ông (bà): *Thầy/Thưa Thầy/Thưa Bà*...

Chức vụ:

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:TRAM Y TẾ.....

kết quả như sau:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020 MT - Thái Thị Tân Trạng Y tế	03201.01.030104.001	1	18.500.000	14.800.000	1						
2	-Máy tính Dell Optiplex 3020 - 2016 - A Hà	03201.01.030104.002	1	18.500.000	14.800.000	1						
3	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	03201.02.030000.002	1	14.064.223	2.812.844	1						
4	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	03201.07.030000.001	1	13.508.000	8.104.800	1						
5	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	03201.07.030000.002	1	13.508.000	8.104.800	1						
6	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	03201.07.030000.003	1	13.508.000	8.104.800	1						
7	-Giường lười có nệm mút	03201.00.110000.001	3	7.095.000		3						
8	-Tủ đựng thuốc cấp cứu	03201.00.110000.002	1	1.650.000		1						
9	-Cân có thước đo	03201.00.110000.003	1	1.300.000		1						
10	-Ấn áp Lìoa 600w	03201.00.110000.005	1	1.200.000		1						
11	-Tủ bếp điện 2 tầng	03201.00.110000.006	1	950.000		1						
12	-Bàn ca chức năng	03201.00.110000.007	1	4.500.000		1						
13	-Giường INOX	03201.00.110000.009	4	9.400.000		4						
14	-Tủ đầu giường bệnh nhân	03201.00.110000.010	1	779.833	-3.899.167	1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
15	-Két bạc	03201.00.110000.012	1	1.750.000		1						
16	-Tủ lạnh Sanyo	03201.00.110000.013	1	4.590.000		1						
17	-Quạt cây	03201.00.110000.014	1	730.000		1						
18	-Máy in Laserjet CANON 3300	03201.00.110000.017	1	4.500.000		1						
19	-Máy đo HA	03201.00.110000.018	4	1.800.000	1.800.000	4						
20	-ống righe	03201.00.110000.019	4	1.100.000	1.100.000	4						
21	-Cân thuốc đo	03201.00.110000.020	1	1.700.000	1.700.000	1						
22	-Máy điện châm	03201.00.110000.021	1	480.000	480.000	1						
23	-Đèn khám chuyên khoa	03201.00.110000.022	1	750.000		1						
24	-Tivi Toshiba 32"	03201.00.110000.023	1	8.990.000		1						
25	-Máy vi tính CVS - Xmedia, LCD 18.5"	03201.00.110000.024	1	7.700.000		1						
26	-Máy lọc nước Hyundai	03201.00.110000.027	1	5.400.000		1						
27	-Máy in cannon 3300	03201.00.110000.028	1	5.800.000		1						
28	-Điều hòa 2 cục LG 12000 BTU	03201.00.110000.030	1	9.200.000		1						
29	-Máy in 2 mặt HP Pro M401d - Hoàng Hà	03201.01.110101.001	1	7.500.000		1						
30	-Máy in Laserjet HP P2055d	03201.02.110000.001	1	9.593.730		1						
31	-Máy đọc mã vạch đa tia Symbol Zebra DS9208 - Trạm Y tế	03201.09.110000.001	1	7.100.000		1						
32	-Tủ nhôm kính	03201.00.120000.003	2	3.711.276		2						
33	-Tủ đựng tài liệu sắt	03201.00.120000.004	3	5.757.592	5.757.592	3						
34	-Tủ bệnh nhân Inox	03201.00.120000.005	4	3.120.000		4						
35	-Bàn Sơn 1.4 m	03201.00.120000.007	1	2.850.000		1						
36	-Bàn âm việc sắt VP Xuân Hòa	03201.00.120000.008	3	2.055.600		3						
37	-Ghế thủ thư G1	03201.00.120000.009	1	226.543		1						
38	-Ghế đa	03201.00.120000.010	19	22.135.000	-23.300.000	19						
39	-Xe đẩy	03201.00.120000.012	1	1.224.000		1						
40	-Giường bệnh nhân Inox	03201.00.120000.013	5	11.750.000	-14.100.000	5						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
41	-Bàn sơn 1.0	03201.00.120000.014	1	2.540.000		1						
42	-Bàn sơn 1.4m	03201.00.120000.017	1	2.850.000	-2.850.000	1						
43	-Ghế xoay da (TP/K/GĐ)	03201.00.120000.018	1	4.170.000		1						
44	-Bàn họp 2 m	03201.00.120000.019	2	7.540.000		2						
45	-Bàn sơn 1.4m	03201.00.120000.021	3	8.550.000		3						
46	-Bàn sơn ET 1600E (1.6m)	03201.00.120000.022	1	4.070.000		1						
47	-Bảng photocolor	03201.00.120000.024	1	222.178		1						
48	-Bàn sơn 1.6 m	03201.00.120000.030	1	4.472.000		1						
49	-Tủ sơn 1.35 m	03201.00.120000.031	3	10.520.000		3						
50	-Ghế gấp Hoà phát G04V	03201.00.120000.032	6	2.400.000		6						
51	-Ghế Da/leo TH05	03201.00.120000.033	6	6.600.000		6						
52	-Ghế xoay HP SG812	03201.00.120000.034	1	3.900.000		1						
53	-Ghế băng GPC 04 1-4	03201.01.120000.001	2	12.600.000	12.600.000	2						
54	-Giỏ GTV 02-03	03201.01.120000.002	2	10.260.000	10.260.000	2						
	Cộng		112	330.670.975	46.275.669							

Nghệ An, Ngày 05 tháng 01 năm 201...
 Bộ phận kiểm kê

Trưởng ban kiểm kê

Đơn vị sử dụng

Người chịu trách nhiệm

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2018

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà):

- Ông (bà): *Ng[~] Thị Lan Hương* C.V: VP

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA NGOẠI NGỮ - VP

Chức vụ: Chuyên viên KHTC
Chức vụ:
Chức vụ:
kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL
1	-Máy in 2 mặt HP 2055D	01501.00.030000.002	10.450.000	2.090.000	1					VP
2	-Đầu Sony đa hệ	01501.00.030000.006	10.000.000	.	0	(không có)				VP.Tây 2.TV.
3	-Máy chiếu đa năng Mitsubishi XD450	01501.00.030000.007	70.565.000		1					
4	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Kim Anh	01501.00.030000.014	15.360.000	3.072.000	1					
5	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Phan Hương	01501.00.030000.015	15.360.000	3.072.000	1					
6	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Phương Thảo	01501.00.030000.017	15.360.000	3.072.000	1					
7	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Xuân Sơn	01501.00.030000.018	15.360.000	3.072.000	1					
8	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trương T Ninh	01501.00.030000.019	15.360.000	3.072.000	1					VP
9	-Máy tính lenovo Think centre Edge	01501.00.030000.020	11.149.243	2.229.848	1					VP
10	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010	01501.00.030101.001	15.538.000	3.107.600	1					
11	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Tuyết Hạnh	01501.00.030202.001	25.411.000	10.164.400	1					
12	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Bích Hiền	01501.00.030202.002	25.411.000	10.164.400	1					
13	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599	01501.00.030202.003	25.411.000	10.164.400	1					

	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
		SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
4	01.01.00.33.02.02.04	1			1						
5	01.01.00.33.02.02.05	1			1						
6											
8											
19											
21											
22	01.01.01.33.02.02.02	1			1						
	01.01.01.33.02.02.04	1			1						
28											
29											
30											
ng:											

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
	Ngọc Yến											
31	Máy in đa năng Panasonic KX-MB	01501.04.030000.001	1	12.469.600	2.493.920	1				VP. T2-TV		VP
32	Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01501.07.030000.001	1	13.508.000	8.104.800	1						
33	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	01501.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1						TK
34	Máy ghi âm Sony ICD-PX312	01501.00.110000.001	1	3.465.000		1				VP. T2-TV.		
35	Đài Sony ZS - PJ 30 CP	01501.00.110000.002	7	19.810.000	19.810.000	6				1 (kể từ 2016 - đến 06/2017)		
36	Máy tính FPT Elead, Model T06i, LCD 17"	01501.00.110000.006	1	9.397.500		1				Hay.		
37	Điều hòa LG 12000 BTU	01501.00.110000.008	1	7.100.000		1						VP
38	Điều hòa LG 12000 BTU	01501.00.110000.009	1	7.100.000		1						VP
39	Điều hòa LG 12000 BTU	01501.00.110000.010	1	7.100.000		1						TK
40	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	01501.00.120000.001	1	4.472.000		1						TK
41	Bàn sơn OD1200A (1,0m - kém)	01501.00.120000.002	1	2.540.000		1						TK
42	Ghế xoay da (TP/TK/ĐP)	01501.00.120000.003	1	4.170.000		1						TK
43	Bàn hợp CT2010H6 (2m)	01501.00.120000.004	1	3.770.000		1						VP
44	Ghế mã THT05 (ghế da)	01501.00.120000.005	6	6.990.000		6						TK
45	Ghế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	01501.00.120000.006	18	7.560.000	-8.400.000	18						VP
46	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01501.00.120000.007	3	8.550.000		3						VP
47	Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	01501.00.120000.008	2	5.860.000		2						VP
48	Tủ sắt 2 tầng cửa kính	01501.00.120000.009	1	1.605.010		1						VP
49	Tủ sắt Hoà Phát 4 cánh	01501.00.120000.011	2	3.894.615		2						VP
50	Bảng khung nhôm 1,2 m	01501.00.120000.012	1	1.050.000		1						VP
51	Ghế thủ thư G2	01501.00.120000.013	1	226.543		1						VP
52	Tủ 12 tầng (12.8)	01501.00.120000.016	1	1.150.000		1						VP
53	Tủ sơn 1,84 m	01501.00.120000.022	1	7.120.000		1						TK
54	Tủ sơn 1,35 m	01501.00.120000.023	1	5.260.000		1						TK

Cộng

86

812.318.603

223.952.264

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày 25 tháng 01 năm 2018



Nguyễn Thị Lan Hương



Phó Nữ Linh

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đón vi: Khoa Ngăn Ngủ VP.

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ,...	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo kiểm kê		Nguyên nhân	Hiện trạng sử dụng	Hồ sơ tài sản hiện có tại đơn vị			Ghi chú
					Số lượng	Số			Thê kho	BBB G	CO,C Q	
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13	14	
1	Đai Song CPO. RS60 CP.		Cái		05							
2	Máy chữa Sơn VPL-EX145		Cái		01							
3	Máy tời Delt 3020		bộ		01							
4	Máy in HP laserjet 1000 M401d		Cái		01							
5	Máy in HP. brother		Cái		01							
6	Tủ lạnh panasonic		Cái		01							
7	Máy in laserjet pro 100. M101d		Cái		01							
8	Máy tời. C. Cui' có dây (800kg)		Cái		01							
9	Máy in tang, HP brother MFL		Cái		01							
10	Cây nước nóng lạnh		Cái		02							
11	Nháy. Chín' Nac NP200		Cái		01							
12	Tủ lạnh A/D		Cái		01							
13	Bàn họp bàn dĩa 8m (gỗ gụ đỏ)		Cái		01							
					</							

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỜNG ĐƠN VI

BẢN KIỂM KÊ

Nguyễn Thị Lan Hương

Handwritten signature
T. N. bid

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: **PHÒNG HỌC TIẾNG KHOA TOÁN**, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy chiếu đa năng Sony EX - 145	01503.00.030000.001	1	26.243.800	5.248.760	1	26.243.800	5.248.760	0	VP	0	Đã nộp
2	-Máy tính để bàn Dell Vostro 470MT i5	01503.00.030101.001	1	17.160.000	3.432.000	1	17.160.000	3.432.000	0	Đã nộp	0	Đã nộp
3	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.002	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
4	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.003	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
5	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.004	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
6	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.005	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
7	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.006	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
8	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.007	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
9	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.008	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
10	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.009	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
11	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.010	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
12	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.011	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
13	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.012	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
14	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.013	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
15	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.014	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
16	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.015	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp
17	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.016	1	15.466.000	3.093.200	1	15.466.000	3.093.200	0	Đã nộp	0	Đã nộp

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Mã số: C53-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC
và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

Số:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
18	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.017	1	15.466.000	3.093.200	✓						
19	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.018	1	15.466.000	3.093.200	✓						
20	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.019	1	15.466.000	3.093.200	✓						
21	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.020	1	15.466.000	3.093.200	✓						
22	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.021	1	15.466.000	3.093.200	✓						
23	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.022	1	15.466.000	3.093.200	✓						
24	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.023	1	15.466.000	3.093.200	✓						
25	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.024	1	15.466.000	3.093.200	✓						
26	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.025	1	15.466.000	3.093.200	✓						
27	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.026	1	15.466.000	3.093.200	✓						
28	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.027	1	15.466.000	3.093.200	✓						
29	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.028	1	15.466.000	3.093.200	✓						
30	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.029	1	15.466.000	3.093.200	✓						
31	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.030	1	15.466.000	3.093.200	✓						
32	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.031	1	15.466.000	3.093.200	✓						
33	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.032	1	15.466.000	3.093.200	✓						
34	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.033	1	15.466.000	3.093.200	✓						
35	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.034	1	15.466.000	3.093.200	✓						
36	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.035	1	15.466.000	3.093.200	✓						
37	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.036	1	15.466.000	3.093.200	✓						
38	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.037	1	15.466.000	3.093.200	✓						
39	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.038	1	15.466.000	3.093.200	✓						
40	-Máy tính để bàn dell Vostro 260	01503.00.030101.039	1	15.466.000	3.093.200	✓						
41	-Ổn áp Lioa 30 KVA SH	01503.00.030101.040	1	20.988.000	4.197.600	✓						
42	-Máy chiếu vật thể Julong	01503.00.030101.041	1	27.247.000	5.449.400	✓						
43	-Máy chiếu đa năng Infocus N126	01503.00.030101.043	1	33.385.000	6.677.000	✓						
44	-Điều hòa LG F18EN1	01503.00.030101.044	1	13.464.000	2.692.800	✓						

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
45	-Máy chiếu đa năng Infocus N126	01503.00.030101.045	1	13.464.000	2.692.800							
46	-Máy in laser HP 2055D	01503.00.030101.046	1	10.450.000	2.090.000							
47	-Loa treo tường 30W T0A BS 1030B	01503.00.110000.001	2	4.994.000								
48	-Micro có dây	01503.00.110000.002	1	2.277.000								
49	-Aam ly 120 W T0A A - 2120	01503.00.110000.003	1	5.544.000								
50	-Tai nghe Creative HS 150	01503.00.110101.001	38	22.781.000	4.556.200							
51	-Bàn ND BNG1260 - Giáo viên	01503.00.120000.014	1	1.530.100								
52	-Chế NDHT07 - Ghế giáo viên	01503.00.120000.015	1	712.800								
53	-Bàn đổi BM 101 - Máy tính	01503.00.120000.016	19	27.379.000								
54	-Chế GHS107	01503.00.120000.017	38	13.376.000								
	Cộng		147	828.703.700	154.578.160							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 22 tháng 11 năm 2017

Bộ phận kiểm kê




 Nguyễn Thị Quỳnh Hương

 Velle

 LH Việt

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà):

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG KHẢO THÍ - ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL
1	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030000.001	1	15.821.300	3.164.260	1					
2	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030000.002	1	15.821.300	3.164.260	1					
3	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030000.003	1	15.821.300	3.164.260	1					
4	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030000.004	1	15.821.300	3.164.260	1					
5	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030000.005	1	15.821.300	3.164.260	1					
6	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030000.006	1	15.821.300	3.164.260	1					
7	-Máy chiếu Sony VPL - DX145	01504.00.030000.032	1	36.113.000	7.222.600	1					Xử TL
8	-Điều hòa nhiệt độ LG	01504.00.030101.001	1	13.579.500	2.715.900	1					
9	-Điều hòa nhiệt độ LG	01504.00.030101.002	1	13.579.500	2.715.900	1					
10	-Máy chiếu Sony VPL - DX145	01504.00.030101.004	1	36.113.000	7.222.600	1					Xử TL
11	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.005	1	15.821.300	3.164.260	1					
12	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.006	1	15.821.300	3.164.260	1					
13	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.007	1	15.821.300	3.164.260	1					
14	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.008	1	15.821.300	3.164.260	1					
15	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.009	1	15.821.300	3.164.260	1					
16	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.010	1	15.821.300	3.164.260	1					
17	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.011	1	15.821.300	3.164.260	1					

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
45	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.039	1	15.821.300	3.164.260	1						
46	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.040	1	15.821.300	3.164.260	1						
47	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.041	1	15.821.300	3.164.260	1						
48	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.042	1	15.821.300	3.164.260	1						
49	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.043	1	15.821.300	3.164.260	1						
50	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.044	1	15.821.300	3.164.260	1						
51	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.045	1	15.821.300	3.164.260	1						
52	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.046	1	15.821.300	3.164.260	1						
53	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.047	1	15.821.300	3.164.260	1						
54	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.048	1	15.821.300	3.164.260	1						
55	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.049	1	15.821.300	3.164.260	1						
56	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.050	1	15.821.300	3.164.260	1						
57	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.051	1	15.821.300	3.164.260	1						
58	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.052	1	15.821.300	3.164.260	1						
59	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.053	1	15.821.300	3.164.260	1						
60	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.054	1	15.821.300	3.164.260	1						
61	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.055	1	15.821.300	3.164.260	1						
62	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.056	1	15.821.300	3.164.260	1						
63	- Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01504.00.030101.057	1	15.821.300	3.164.260	1						
64	- Hệ thống Camera WIT - 2348H	01504.00.030101.058	1	30.800.000	6.160.000	1						
65	- Ổn áp LƯA 30KVA SH 30000	01504.00.030101.060	1	20.971.500	4.194.300	1						
66	- Âm ly TOA - 2120	01504.00.110000.001	1	5.676.000		1						
67	- Máy in HP laser Pro M401d	01504.00.110000.002	1	9.636.000		1						
68	- Bộ lưu điện Upselect US 2000	01504.00.110000.003	1	7.007.000		1						
69	- Tủ Mạng 10 U	01504.00.110101.001	1	2.695.000		1						
70	- Tai nghe liên micro	01504.00.110101.002	59	16.549.500		59						
71	- Micro không dây Shure	01504.00.110101.003	2	5.610.000		2						

Stt.	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
72	-Lòe treo tường TQA BS-10308	01504.00.110101.004	4	10.142.000		4						
73	-Bàn giáo viên	01504.00.120101.001	1	1.540.000		1						
74	-Ghế giáo viên	01504.00.120101.002	1	720.500		1						
75	-Bàn Cabin 2 chỗ ngồi	01504.00.120101.003	29	47.647.000		29						
76	-Ghế ngồi cho học viên	01504.00.120101.004	58	21.181.600		58						
	Cộng		223	1.213.017.800	216.922.640							

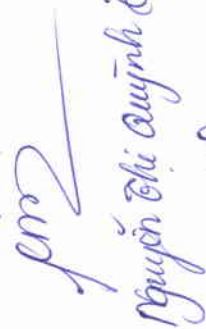
Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 02 tháng 1 năm 2018

Bộ phận kiểm kê


 Nguyễn Thị Quỳnh Trang

 Velle

 LHVat

201

Mã số: C53-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Mã đơn vị có quan hệ với NS:

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG HỌC NGOẠI NGỮ 01 - ĐẾ AN NGOẠI NGỮ, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL
1	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030000.001	1	15.538.000	3.107.600	1					
2	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030000.002	1	15.538.000	3.107.600	1					
3	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030000.003	1	15.538.000	3.107.600	1					
4	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030000.004	1	15.538.000	3.107.600	1					
5	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030000.005	1	15.538.000	3.107.600	1					
6	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030000.006	1	15.538.000	3.107.600	1					
7	-Điều hòa LGF 18CN	01505.00.030101.001	1	13.546.000	2.709.200	1					
8	-Điều hòa LCF 18CN	01505.00.030101.002	1	13.546.000	2.709.200	1					
9	-Máy chiếu Optoma FW556	01505.00.030101.004	1	33.366.000	6.673.200	1					
10	-Máy chiếu Optoma FW556	01505.00.030101.005	1	33.366.000	6.673.200	1					
11	-Máy tính giáo viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.006	1	17.131.000	3.426.200	1					
12	-Ổn áp Lioa 30KVA	01505.00.030101.008	1	20.916.000	4.183.200	1					
13	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.010	1	15.538.000	3.107.600	1					
14	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.011	1	15.538.000	3.107.600	1					
15	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.012	1	15.538.000	3.107.600	1					
16	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.013	1	15.538.000	3.107.600	1					
17	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.014	1	15.538.000	3.107.600	1					

ĐV. TUL KỲ
ĐV. TUL KỲ

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
18	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.015	1	15.538.000	3.107.600	✓						
19	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.016	1	15.538.000	3.107.600	✓						
20	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.017	1	15.538.000	3.107.600	✓						
21	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.018	1	15.538.000	3.107.600	✓						
22	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.019	1	15.538.000	3.107.600	✓						
23	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.020	1	15.538.000	3.107.600	✓						
24	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.021	1	15.538.000	3.107.600	✓						
25	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.022	1	15.538.000	3.107.600	✓						
26	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.023	1	15.538.000	3.107.600	✓						
27	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.024	1	15.538.000	3.107.600	✓						
28	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.025	1	15.538.000	3.107.600	✓						
29	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.026	1	15.538.000	3.107.600	✓						
30	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.027	1	15.538.000	3.107.600	✓						
31	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.028	1	15.538.000	3.107.600	✓						
32	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.029	1	15.538.000	3.107.600	✓						
33	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.030	1	15.538.000	3.107.600	✓						
34	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.031	1	15.538.000	3.107.600	✓						
35	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.032	1	15.538.000	3.107.600	✓						
36	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.033	1	15.538.000	3.107.600	✓						
37	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.034	1	15.538.000	3.107.600	✓						
38	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.035	1	15.538.000	3.107.600	✓						
39	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.036	1	15.538.000	3.107.600	✓						
40	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.037	1	15.538.000	3.107.600	✓						
41	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.038	1	15.538.000	3.107.600	✓						
42	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.039	1	15.538.000	3.107.600	✓						
43	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.040	1	15.538.000	3.107.600	✓						
44	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.041	1	15.538.000	3.107.600	✓						

Stt.	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
45	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.042	1	15.538.000	3.107.600	1			
46	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.043	1	15.538.000	3.107.600	1			
47	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.044	1	15.538.000	3.107.600	1			
48	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.045	1	15.538.000	3.107.600	1			
49	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.046	1	15.538.000	3.107.600	1			
50	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.047	1	15.538.000	3.107.600	1			
51	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.048	1	15.538.000	3.107.600	1			
52	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.049	1	15.538.000	3.107.600	1			
53	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.050	1	15.538.000	3.107.600	1			
54	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.051	1	15.538.000	3.107.600	1			
55	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.052	1	15.538.000	3.107.600	1			
56	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01505.00.030101.053	1	15.538.000	3.107.600	1			
57	-Máy in laser HP M401d	01505.00.110000.001	1	9.462.000		1			
58	-Âm ly 120W TOA A 2120	01505.00.110000.002	1	5.578.000		1			
59	-Loa treo tường 30W TOA BS 1030B	01505.00.110101.001	4	9.960.000		2			(tại căn phòng)
60	-Micro có dây TOADM 1200	01505.00.110101.002	1	2.291.000		1			
61	-Tai nghe Cẩn micro	01505.00.110101.003	51	29.580.000		51			
62	-Tai nghe Sennheiser PC8 USB	01505.01.110000.001	30	46.800.000	46.800.000	30			
63	-Bàn giáo viên Long Phát	01505.00.120101.001	1	1.544.000		1			
64	-Ghế giáo viên Long Phát	01505.00.120101.002	1	717.000		1			
65	-Bàn đổi để máy tính	01505.00.120101.003	25	36.100.000		25			
66	-Ghế ngồi cho sinh viên	01505.00.120101.004	50	17.950.000		50			
	Cộng		221	1.068.753.000	228.554.200				

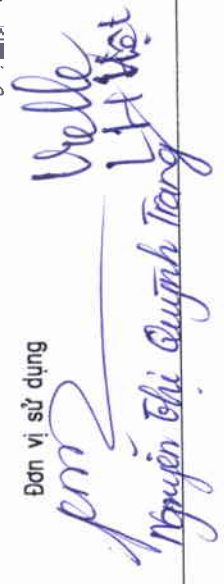
Nghị quyết Ngày 02 tháng 1 năm 2018

Bộ phận kiểm kê

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê


 Nguyễn Thị Quỳnh Trang
 Liệt

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
18	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.015	1	15.538.000	3.107.600	✓						
19	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.016	1	15.538.000	3.107.600	✓						
20	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.017	1	15.538.000	3.107.600	✓						
21	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.018	1	15.538.000	3.107.600	✓						
22	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.019	1	15.538.000	3.107.600	✓						
23	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.020	1	15.538.000	3.107.600	✓						
24	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.021	1	15.538.000	3.107.600	✓						
25	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.022	1	15.538.000	3.107.600	✓						
26	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.023	1	15.538.000	3.107.600	✓						
27	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.024	1	15.538.000	3.107.600	✓						
28	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.025	1	15.538.000	3.107.600	✓						
29	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.026	1	15.538.000	3.107.600	✓						
30	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.027	1	15.538.000	3.107.600	✓						
31	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.028	1	15.538.000	3.107.600	✓						
32	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.029	1	15.538.000	3.107.600	✓						
33	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.030	1	15.538.000	3.107.600	✓						
34	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.031	1	15.538.000	3.107.600	✓						
35	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.032	1	15.538.000	3.107.600	✓						
36	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.033	1	15.538.000	3.107.600	✓						
37	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.034	1	15.538.000	3.107.600	✓						
38	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.035	1	15.538.000	3.107.600	✓						
39	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.036	1	15.538.000	3.107.600	✓						
40	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.037	1	15.538.000	3.107.600	✓						
41	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.038	1	15.538.000	3.107.600	✓						
42	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.039	1	15.538.000	3.107.600	✓						
43	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.040	1	15.538.000	3.107.600	✓						
44	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.041	1	15.538.000	3.107.600	✓						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
45	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.042	1	15.538.000	3.107.600	1			
46	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.043	1	15.538.000	3.107.600	1			
47	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.044	1	15.538.000	3.107.600	1			
48	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.045	1	15.538.000	3.107.600	1			
49	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.046	1	15.538.000	3.107.600	1			
50	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.047	1	15.538.000	3.107.600	1			
51	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.048	1	15.538.000	3.107.600	1			
52	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.049	1	15.538.000	3.107.600	1			
53	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.050	1	15.538.000	3.107.600	1			
54	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.051	1	15.538.000	3.107.600	1			
55	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.052	1	15.538.000	3.107.600	1			
56	-Máy tính cho học viên Dell OptiPlex	01506.00.030101.053	1	15.538.000	3.107.600	1			
57	-Máy in laser HP M401d	01506.00.110000.001	1	9.462.000		1			
58	-Âm ly 120W TOA A 2120	01506.00.110000.002	1	5.578.000		1			
59	-Loa treo tường 30W TOA BS 1030B	01506.00.110101.001	4	9.960.000		4			
60	-Micro có dây TOADM 1200	01506.00.110101.002	1	2.291.000		1			
61	-Tai nghe cần micro	01506.00.110101.003	51	29.580.000		1			
62	-Bàn giáo viên Long Phát	01506.00.120101.001	1	1.544.000		1			
63	-Ghế giáo viên Long Phát	01506.00.120101.002	1	717.000		1			
64	-Bàn đổi để máy tính	01506.00.120101.003	25	36.100.000		1			
65	-Ghế ngồi cho sinh viên	01506.00.120101.004	50	17.950.000		1			
	Cộng		191	1.021.953.000	181.754.200				

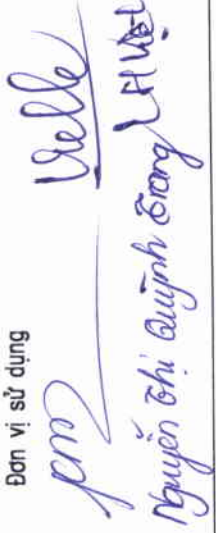
Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày 06 tháng 11 năm 2018


 Nguyễn Thị Quỳnh Hương


 Bộ phận kiểm kê

205

Mã số: C53-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH

Mã đơn vị có quan hệ với NS:

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG HỌC NGOẠI NGỮ - ĐỀ ÁN NGOẠI NGỮ NĂM 2013 kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính giáo viên Lenovo think Centre E 72 Tower	01507.07.030000.001	1	14.300.000	10.725.000	1						
2	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.002	1	13.508.000	10.131.000	1						
3	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.003	1	13.508.000	10.131.000	1						
4	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.004	1	13.508.000	10.131.000	1						
5	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.005	1	13.508.000	10.131.000	1						
6	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.006	1	13.508.000	10.131.000	1						
7	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.007	1	13.508.000	10.131.000	1						
8	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.008	1	13.508.000	10.131.000	1						
9	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.009	1	13.508.000	10.131.000	1						
10	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	01507.07.030000.010	1	13.508.000	10.131.000	1						
11	-Máy tính học viên Lenovo think	01507.07.030000.011	1	13.508.000	10.131.000	1						

Stt.	Mã số TS	Theo sổ kế toán				Theo kiểm kê				Chênh lệch			Ghi chú
		Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
12	13.508.000												
13	13.508.000, tính Centre E 72												
14	13.508.000, tính Centre E 72												
15	13.508.000, tính Centre E 72												
16	13.508.000, tính Centre E 72												
17	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												
18	13.508.000, tính Centre E 72												
19	13.508.000, tính Centre E 72												
20	13.508.000, tính Centre E 72												
21	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												
22	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												
23	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												
24	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												
25	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												
26	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												
27	13.508.000, tính học viên Lenovo think Centre E 72												

[illegible]

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
46	-Phân mềm học viên	01507.07.080201.002	1	888.000.000	710.400.000	1						
47	-Card âm thanh Chlieru CZ520B	01507.07.110000.001	41	76.670.000		41						
48	-Tai nghe Chlieru CS530A	01507.07.110000.002	41	33.148.500		41						
49	-Âm ly TDA A2120	01507.07.110000.003	1	4.290.000	4.290.000	1						
50	-Loa treo tường TDA 30W - BS1030 W	01507.07.110000.004	4	4.796.000	4.796.000	4						
51	-Micro kèm chân đế - TDA DM1200	01507.07.110000.005	1	1.199.000	1.199.000	1						
52	-Máy in HP M401d	01507.07.110000.009	1	7.920.000		1						
53	-Bàn ghế giáo viên Hòa Phát - BGV 103	01507.07.110000.006	1	1.666.500		1						
54	-Bàn học viên	01507.07.110000.007	20	17.600.000		20						
55	-Ghế học viên	01507.07.110000.008	40	8.008.000		40						
	Cộng		196	1.682.776.300	1.201.206.224							

(gây, lý) (xin-thuỷ)

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày 02 tháng 04 năm 2018

Nguyễn Thị Quỳnh Hương

CH Việt

206

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH
Mã đơn vị có quan hệ với NS:

Mã số: C53-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC
và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG HỌC NGOẠI NGỮ ĐƯỢC CẤP TỪ QĐ 4857/QĐ-BGDDT....., kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL
1	Máy tính để bàn cho giáo viên Thương hiệu Việt Nam FPT Elead T375	01508.03.030000.001	1	12.950.000	7.770.000	1					
2	- Ổn áp Lixa 20KVA	01508.03.030000.002	1	14.820.000	11.115.000	1					
3	- Điều hòa nhiệt độ 18000BTU LG	01508.03.030000.003	1	16.100.000	12.075.000	1					
4	- Điều hòa nhiệt độ 18000BTU LG	01508.03.030000.004	1	16.100.000	12.075.000	1					
5	Máy chiếu casio NEC M311 (bao gồm màn chiếu và phụ kiện lắp đặt)	01508.03.030000.006	1	42.760.000	25.656.000	1					
6	Máy tính học viên thương hiệu Việt Nam FPT Elead T352	01508.03.110000.001	30	294.600.000		30					
7	Tai nghe chuyên dụng cho giáo viên và học viên (Đồng bộ, cùng hãng sản xuất với phần mềm)	01508.03.110000.002	31	35.650.000		31					
8	- Switch mạng Planet GSW-2401	01508.03.110000.003	2	9.900.000		2					
9	Tủ thiết bị Long Phát	01508.03.110000.009	1	4.300.000		1					
10	- Ghế gấp Hoà phát 604M	01508.00.120000.001	6	2.400.000		6					
11	- Bàn OD1200A	01508.00.120000.002	1	2.800.000		1					
12	- Bàn HP CT2412H5-CH4	01508.00.120000.003	1	4.650.000		1					
13	Tủ sắt HP OSK2T	01508.00.120000.004	1	3.090.000		1					
14	- Ghế giáo viên Hòa Phát	01508.03.120000.001	1	680.000		1					

27

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
15	-Bàn giáo viên + Kệ để thiết bị Long Phát	01508.03.120000.005	1	3.380.000		1						
16	-Ghế học viên Hòa Phát	01508.03.120000.007	30	12.000.000		30						
17	-Bảng viết	01508.03.120000.008	1	2.000.000		1						
	Cộng		111	478.180.000	68.691.000							

Nghệ An, Ngày 02 tháng ...1 năm 2012

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê


Nguyễn Thị Quỳnh Trang


V. H. Viet



BIÊN BẢN KIỂM KÊ TẠI SẢN 2017
Đơn vị: Khoa Sư phạm Ngôn ngữ - Tổng & Thư viện
Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

Đơn vị: Khoa Sử Pham Núi Núi - Phan

g & Theri

ĐƠN VI SỬ DỤNG

BẢN KIỂM KÊ

Nguyễn Thị Quỳnh Trang

H. N. L.

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà):

- Ông (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KHTC

Chức vụ:

Chức vụ:

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA XÂY DỰNG - VP

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy chiếu đa năng Hitachi Model: CPX400	02101.00.030000.012	1	50.000.000								Đã
2	-Máy chiếu đa năng Hitachi CPX268A	02101.00.030000.015	1	39.859.600								Đã
3	-Máy tính lenovo Think centre Edge	02101.00.030000.021	1	11.149.243	2.229.848							VP
4	-Máy tính lenovo Think centre Edge	02101.00.030000.022	1	11.149.243	2.229.848							VP
5	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thanh Hải	02101.00.030000.023	1	15.360.000	3.072.000							
6	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hồng Sơn	02101.00.030000.024	1	15.360.000	3.072.000							
7	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Ngọc Sáu	02101.00.030000.025	1	15.360.000	3.072.000							
8	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trọng Hà	02101.00.030000.026	1	15.360.000	3.072.000							
9	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Ngọc Long	02101.00.030000.027	1	15.360.000	3.072.000							
10	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trung Hòa	02101.00.030000.028	1	15.360.000	3.072.000							
11	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010	02101.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600							
12	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Tiến Hồng	02101.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400							

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
13	Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 Viết Linh	02101.00.030202.002	1	25.411.000	10.164.400	1	chưa' sy cho Thầy Tuấn -					
14	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Nguyễn Cần Ngón	02101.00.030203.003	1	16.896.000	6.758.400	1						
15	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Văn Tiến	02101.00.030203.004	1	16.896.000	6.758.400	1						
16	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hiền Lương	02101.00.030203.005	1	16.896.000	6.758.400	1						
17	Máy tính Dell Optiplex 3040 - 2017 - Khoa Xây dựng (2046)	02101.01.030106.001	1	18.150.000	18.150.000	1						Trị Khoa
18	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Phạm Thái Hoàn	02101.01.030209.001	1	21.150.000	21.150.000	1						
19	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thanh Hùng	02101.02.030000.002	1	14.064.223	2.812.844	1	chưa' SGT					
20	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT	02101.06.030000.001	1	18.500.000	11.100.000	00	) KK 2016 ko có.		1	phân rở		Đã
21	Máy chiếu Optoma EW556	02101.06.030000.002	1	33.366.000	20.019.600	00			1	phân rở		
22	Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	02101.07.030000.001	1	13.508.000	8.104.800	1				phs bộ môn		VP
23	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	02101.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1						VP
24	Màn chiếu treo tường 2.13 x 2.13m	02101.00.110000.003	1	2.500.000		1						VP
25	Màn chiếu 2.13m x 2.13m	02101.00.110000.004	1	4.722.300		1						VP
26	Điều hòa LG 12000 BTU	02101.00.110000.005	1	7.100.000		1						VP
27	Điều hòa LG 12000 BTU	02101.00.110000.006	1	7.100.000		1						VP
28	Điều hòa LG 12000 BTU	02101.00.110000.007	1	7.100.000		1						VP
29	Máy in HP 2055d	02101.02.110000.001	1	9.593.730		1						VP
30	Bàn sơn DT 1890 H35 (1.8m)	02101.00.120000.001	2	8.944.000		2						
31	Bàn vi tính 1.0 m đi kèm	02101.00.120000.002	1	2.540.000		1						
32	Bàn sơn ET 1400C (1.4m)	02101.00.120000.003	3	8.550.000		3						3 (lần 03 - Tg' 09 km)
33	Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	02101.00.120000.006	2	5.860.000		2						VP

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	
34	- Tủ sắt đựng hoá chất cửa kính	02101.00.120000.007	1	1.691.521						
35	- Tủ sắt á đông	02101.00.120000.008	3	4.430.152						
36	- Ghế xoay da (TP/KV/GĐ cũ)	02101.00.120000.009	1	3.885.555						
37	- Ghế da	02101.00.120000.010	9	10.485.000	10.485.000					
38	- Ghế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	02101.00.120000.011	20	8.400.000						
39	- Bảng khung nhôm	02101.00.120000.012	1	1.050.000						
40	- Bảng khung nhôm	02101.00.120000.013	1	1.050.000						
41	- Tủ sơn 1,84 m	02101.00.120000.014	1	7.120.000						
42	- Tủ sơn 1,35 m	02101.00.120000.015	1	5.260.000						
	Cộng		75	572.227.767	173.270.260					

Nghệ An, Ngày 01 tháng 01 năm 201..8

Bộ phận kiểm kê

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

Đã

Đã

Đã

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: ... Khoa X.D. Văn phòng ...

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ,...	Mã số	Đơn vị tính	Đơn giá	Theo kiểm kê	Nguyên nhân	Hiện trạng sử dụng	Hỗ sơ tài sản hiện có tại				Ghi chú
								Thẻ kho		đơn vị		
								Số	lượng	BBB	CO, C Q	
1	2	3	4	5	8	9	10	11	12	13	14	
1	Máy ảnh Sony CPX 236				01						thực tế giữ.	
2	Máy in HP M402 d				02							
3	Máy in đa năng Canon				01							
4	Đầu in Canon 165				01							
5	Tủ lạnh Sanyo				01							
6	Ghế xoay thư giãn				10							
7	Cây lọc nước máy 1 loại				01							
8	Máy in Canon 83000				01							
9	Ghế massage				08							
10	Máy in đa năng Canon				01							
11	Máy in đa năng Canon				01							
12	Máy in đa năng Canon				01							
13	Máy in đa năng Canon				01							
14	Máy in đa năng Canon				01							
15	Máy in đa năng Canon				01							
16	Máy in đa năng Canon				01							
17	Máy in đa năng Canon				01							
18	Máy in đa năng Canon				01							
19	Máy in đa năng Canon				01							
20	Máy in đa năng Canon				01							
21	Máy in đa năng Canon				01							
22	Máy in đa năng Canon				01							
23	Máy in đa năng Canon				01							
24	Máy in đa năng Canon				01							
25	Máy in đa năng Canon				01							
26	Máy in đa năng Canon				01							
27	Máy in đa năng Canon				01							
28	Máy in đa năng Canon				01							
29	Máy in đa năng Canon				01							
30	Máy in đa năng Canon				01							
31	Máy in đa năng Canon				01							
32	Máy in đa năng Canon				01							
33	Máy in đa năng Canon				01							
34	Máy in đa năng Canon				01							
35	Máy in đa năng Canon				01							
36	Máy in đa năng Canon				01							
37	Máy in đa năng Canon				01							
38	Máy in đa năng Canon				01							
39	Máy in đa năng Canon				01							
40	Máy in đa năng Canon				01							
41	Máy in đa năng Canon				01							
42	Máy in đa năng Canon				01							
43	Máy in đa năng Canon				01							
44	Máy in đa năng Canon				01							
45	Máy in đa năng Canon				01							
46	Máy in đa năng Canon				01							
47	Máy in đa năng Canon				01							
48	Máy in đa năng Canon				01							
49	Máy in đa năng Canon				01							
50	Máy in đa năng Canon				01							
51	Máy in đa năng Canon				01							
52	Máy in đa năng Canon				01							
53	Máy in đa năng Canon				01							
54	Máy in đa năng Canon				01							
55	Máy in đa năng Canon				01							
56	Máy in đa năng Canon				01							
57	Máy in đa năng Canon				01							
58	Máy in đa năng Canon				0							

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VI

BẢN KIỂM KÊ

[Signature]

John
Tracy M. D. L. L.

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà):

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG BẢO VỆ

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Tivi treo tường Samsung UA48H5100 48 inch	02501.01.030000.001	1	16.500.000	9.900.000	1			
2	-Màn hình ti vi Sony 32 inch	02501.02.030000.008	1	11.176.000	2.235.200	1			
3	-Màn hình ti vi Sony 32 inch	02501.02.030000.009	1	11.176.000	2.235.200	0			
4	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	02501.02.030000.010	1	14.064.223	2.812.844	1			
5	-Máy tính để bàn Acer Veriton X4620G	02501.07.030000.001	1	18.364.500	11.018.700	1			
6	-Barie có điều khiển	02501.09.030000.001	1	39.600.000	23.760.000	1			
7	-Điện thoại Simen	02501.00.110000.003	1	845.300		1			
8	-Quạt cây	02501.00.110000.005	.1	336.000		1			
9	-Điều hòa LG 12000 BTU	02501.00.110000.006	1	7.100.000		1			
10	-Dụng cụ hỗ trợ bảo vệ	02501.00.110000.007	1	6.000.000		1			
11	-Máy in HP LaserJet P2035	02501.00.110000.008	1	7.254.720		1			
12	-Tủ 1,8 m lôm	02501.00.120000.004	1	865.753		1			
13	-Tủ 1,8 m lôm <i>lôm 2 buồng</i>	02501.00.120000.005	1	865.753		1			
14	-Giường hộp gỗ	02501.00.120000.006	1	135.021		1			
15	-Sàn lôn Lím	02501.00.120000.007	2	6.400.000		2			
16	-Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	02501.00.120000.009	2	5.700.000		2			

-Đã có bản 2 11/11/2017 - (phụ Thuý phượng)

nh

Xm 11/11/17

2

Stt	Tên, nhân hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
17	- Ghế xoay da (TP/K/GB)	02501.00.120000.010	2	8.340.000		2			
18	- Bảng khung nhôm	02501.00.120000.011	1	1.050.000		1			
19	- Tủ két	02501.00.120000.012	1	2.840.000		1			
20	- Tủ sắt 2 cánh Hòa Phát	02501.00.120000.013	2	3.210.020		2			
21	- Ghế làm việc Văn phòng	02501.00.120000.014	6	954.952					
22	- Ghế thủ thư G1	02501.00.120000.015	1	226.543		1			
	Cộng		31	163.004.785	51.961.944				

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 02 tháng 01 năm 2018

Bộ phận kiểm kê


Trưởng ban kiểm kê


Đơn vị sử dụng


Kế toán trưởng

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà): Trần Văn Minh - CV KS GT&ĐT

- Ông (bà): Le Thị Lý - CV văn phòng

- Ông (bà): Le Thị Lý - CV văn phòng

Chức vụ: Chuyên viên KHTC

Chức vụ:

Chức vụ:

Chức vụ:

kết quả như sau:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA LUẬT

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính lenovo Think centre Edge	01201.00.030000.010	1	11.149.243	2.229.848	1						CV
2	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cổ Hà	01201.00.030000.019	1	15.360.000	3.072.000	1						
3	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cổ Duyên	01201.00.030000.020	1	15.360.000	3.072.000	1						
4	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cổ Liễu	01201.00.030000.021	1	15.360.000	3.072.000	1						
5	-Máy tính để bàn Dell Optilex 3010	01201.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	1						VP
6	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Thầy Đại	01201.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400	1						
7	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Thầy Liêm	01201.00.030202.002	1	25.411.000	10.164.400	1						
8	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Cô Hạnh	01201.00.030202.003	1	25.411.000	10.164.400	1						
9	-Máy tính để bàn Dell Optilex 3020 MT - TS Đình Ngọc Thắng	01201.01.030104.001	1	18.500.000	14.800.000	1						TK
10	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Thắng	01201.02.030000.003	1	14.064.223	2.812.844	1						
11	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cô Sang	01201.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844	1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
12	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thanh Sang	01201.02.030000.005	1	14.064.223	2.812.844	1						TK
13	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hoài Bảo	01201.07.030000.001	1	16.896.000	10.137.600	1						VP
14	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72 <i>Thị Cúc</i>	01201.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1						VP
15	Điện thoại bán	01201.00.110000.001	2	430.000		1						VP
16	Điều hòa LG 12000 BTU	01201.00.110000.014	1	7.100.000		1						VP
17	Điều hòa LG 12000 BTU	01201.00.110000.015	1	7.100.000		1						VP
18	Điều hòa LG 12000 BTU	01201.00.110000.016	1	7.100.000		1						VP
19	Máy in HP LaserJet P2035	01201.00.110000.018	1	6.100.000		1						VP
20	Máy in HP 2055d	01201.02.110000.001	1	9.593.730		1						TK
21	Tủ sắt Hoà Phát 4 cánh	01201.00.120000.001	2	3.894.615		2						VP
22	Tủ sắt cửa kính	01201.00.120000.003	1	1.691.521		1						VP
23	Bảng khung nhôm 3m	01201.00.120000.005	1	2.100.000		1						VP
24	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	01201.00.120000.006	1	4.472.000		1						TK
25	Bàn sơn OD1200A (1,0m - kém)	01201.00.120000.007	1	2.540.000		1						TK
26	Chế xoay da (TP/TK/GĐ)	01201.00.120000.008	1	4.170.000		1						TK
27	Bàn hợp CT2010H6 (2m)	01201.00.120000.009	1	3.770.000		1						VP
28	Chế mã THT05 (ghế da)	01201.00.120000.010	6	7.417.272		6						VP
29	Chế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	01201.00.120000.012	20	8.400.000		19						VP
30	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01201.00.120000.013	3	8.550.000		3						VP
31	Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	01201.00.120000.014	2	5.860.000		2						TK
32	Tủ sơn 1,35 m	01201.00.120000.019	1	5.260.000		1						
	Cộng		61	346.879.250	93.267.500							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 28 tháng 12 năm 2017

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: Khoa Luật

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG

22
về thị trường

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BẢN KIỂM KÊ



Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà): *Cao Thị Ngọc Yến*

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà):
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: TT.TU.VĂN.LUẬT.....

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	Máy tính xách tay Sony Vaio - TT Tư Vấn	03401.00.030000.004	1	33.300.000	6.660.000	1						
2	Máy chiếu sony	03401.00.030000.005	1	16.000.000	3.200.000	1						
3	Máy quay sony HD	03401.00.030000.007	1	16.000.000	3.200.000	0			1	16.000.000		Từ THT05 đến HT05 cũ TL
4	Máy in đa năng Cannon	03401.00.030000.008	1	10.000.000	2.000.000	0			1	10.000.000		Từ THT05 đến HT05 cũ TL
5	HDD Western 500Gb	03401.00.110000.001	1	2.500.000		1			1	2.500.000		Từ THT05 đến HT05 cũ TL
6	Điện thoại bàn Panasonic	03401.00.110000.002	1	300.000		1			1	300.000		Từ THT05 đến HT05 cũ TL
7	Cây nước nóng lạnh	03401.00.110000.004	1	3.000.000		1			1	3.000.000		Từ THT05 đến HT05 cũ TL
8	Máy Scan HP	03401.00.110000.005	1	3.500.000		0			1	3.500.000		Từ THT05 đến HT05 cũ TL
9	USB 3G	03401.00.110000.006	2	1.560.000		0			0	1.560.000		
10	Bộ loa (2 loa: 1mic)	03401.00.110000.007	1	2.000.000		1			1	2.000.000		
11	Máy ảnh kỹ thuật số Sony	03401.00.110000.008	1	5.040.000		1			1	5.040.000		
12	Tủ sắt Hoà Phát cửa kính	03401.00.120000.001	2	3.894.615	3.894.615	2			2	3.894.615		
13	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	03401.00.120000.003	1	4.472.000	4.472.000	1			1	4.472.000		
14	Bàn họp CT2010H6 (2m)	03401.00.120000.004	1	3.770.000	3.770.000	1			1	3.770.000		
15	Ghế mã THT05 (ghế da)	03401.00.120000.005	5	7.362.750	7.362.750	5			5	7.362.750		
16	Ghế xoay da (TP/TK/GP)	03401.00.120000.006	1	3.969.934	3.969.934	1			1	3.969.934		

Stt.	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
17	-Bàn sơn 001200A (1,0m - kèm)	03401.00.120000.009	1	2.540.000	2.540.000	1						
	Cộng		23	119.209.299	41.069.299							

Nghệ An, Ngày 02 tháng 01 năm 2018

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Thư sau đây có 2 phần nội dung cơ bản sau:

1. Từ kết hôn phải 4 cá nhân. ss'ly: 01.

2. Đã bị xử lý theo quy định.


Cao Thị Ngọc Yến


Trương Mỹ Linh

Mã đơn vị có quan hệ với NS:

Mã số: C53-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC
và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà): *Trần Thị Ngọc Liên* CV - P5 GRTT
- Ông (bà): *Ban Thi Điểm Đại* VP - Kế toán

Chức vụ: Chuyên viên KHTC

Chức vụ:

Chức vụ:

kết quả như sau:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA ĐỊA LÝ - VP

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	- máy tính Lenovo	00801.00.030000.006	1	11.200.000		1						✓P
2	- Máy tính lenovo Think centre Edge	00801.00.030000.013	1	11.149.243	2.229.848	1						
3	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00801.00.030000.014	1	15.360.000	3.072.000	1						
4	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00801.00.030000.015	1	15.360.000	3.072.000	1						
5	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00801.00.030000.016	1	15.360.000	3.072.000	1						
6	- Máy tính học viện Lenovo think Centre E72	00801.00.030000.017	1	13.508.000	8.104.800	1						VP (✓)
7	- Máy tính để bàn Dell Optilex 3110	00801.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	1						
8	- Máy tính xách tay Asus K55VD SX599	00801.00.030202.002	1	25.411.000	10.164.400	1						
9	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Nguyễn T Hoàn	00801.00.030203.004	1	16.896.000	6.758.400	1						
10	- Máy tính HP Probook 430 G3 - Chi Vở Thị Vinh	00801.01.030208.001	1	15.536.400	12.429.120	1						
11	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00801.02.030000.001	1	14.064.223	2.812.844	1						
12	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00801.02.030000.002	1	14.064.223	2.812.844	1						
13	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00801.02.030000.003	1	14.064.223	2.812.844	1						
14	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	00801.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844	1						
15	- Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M - Cô Tuyền	00801.07.030201.002	1	20.790.000	12.474.000	1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
16	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M - Hải Yến	00801.07.030205.001	1	20.790.000	12.474.000	1						(H2)
17	Máy tính để bàn cho học viên lenovo E72	00801.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1						
18	Điều hòa LG 12000 BTU	00801.00.110000.004	1	7.100.000		1						TK
19	Điều hòa LG 12000 BTU	00801.00.110000.005	1	7.100.000		1						
20	Điều hòa LG 12000 BTU	00801.00.110000.006	1	7.100.000		1						
21	Máy quét ảnh HP Scanpit 4570C	00801.00.110000.007	1	9.460.000		1						
22	Máy in HP LaserJet P2035	00801.00.110000.009	1	6.100.000		2						VP
23	Máy in Laser HP khổ A4	00801.00.110000.010	1	7.037.800		1						TK
24	Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	00801.00.120000.001	1	4.472.000		1						
25	Bàn sơn 001200A (1,0m - kèm)	00801.00.120000.002	1	2.540.000		1						
26	Ghế xoay da (TP/TK/GĐ)	00801.00.120000.003	1	4.170.000		1						
27	Bàn hợp CT2010H6 (2m)	00801.00.120000.004	1	3.770.000		1						
28	Ghế mã TH105 (ghế da)	00801.00.120000.005	5	6.181.060	-7.417.272	5						VP
29	Bàn hợp 3012 (3m)	00801.00.120000.006	1	3.390.000		1						VP
30	Ghế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	00801.00.120000.007	20	8.400.000		20						VP
31	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	00801.00.120000.008	3	8.550.000		3						VP
32	Tủ đựng tài liệu 2 cánh	00801.00.120000.009	2	3.838.394		2						VP
33	Tủ sắt 4 tầng	00801.00.120000.010	3	2.953.435	-4.430.152	3						VP
34	Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	00801.00.120000.011	2	5.860.000		2						VP
35	Ghế làm việc Văn phòng	00801.00.120000.017	20	2.592.013		20						VP
36	Bảng khung nhôm	00801.00.120000.021	1	1.050.000		1						Ngân
37	Bảng khung nhôm	00801.00.120000.022	1	1.050.000		1						VP
38	Tủ sơn 1,35 m	00801.00.120000.024	1	5.260.000		1						TK

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Bộ phận kiểm kê

Nghệ An, Ngày 28 tháng 12 năm 2017


Phạm Thị Diệu Quyên
Tg

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: ..Khoa...Đa...ly- VP.

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

[illegible]

ĐƠN VI SỬ DỤNG

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

BẢN KIỂM KÊ

Đàm Thị Ngọc Ánh

Take Try ship hid

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):
- Ông (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KHTC
Chức vụ:
Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ về tài sản khác tại: KHOA LỊCH SỬ - VP

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL
1 ✓	Máy tính Lenovo Think centre Edge	01701.00.030000.008	1	11.149.243	2.229.848	1					
2 ✓	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quốc Tuấn	01701.00.030000.009	1	15.360.000	3.072.000	0			1	đưa về kho (Tường Hân)	
3 ✓	Máy ảnh Cannon G16	01701.00.030000.011	1	21.700.000	13.020.000	1					
4 ✓	Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010	01701.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	1					
5 ✓	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Anu Trường	01701.00.030203.003	1	16.896.000	6.758.400	1					
6 ✓	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Phương Ngọc	01701.00.030203.004	1	16.896.000	10.137.600	1					
7 ✓	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hải Yến	01701.00.030203.005	1	16.896.000	10.137.600	1					
8 ✓	Máy tính xách tay HP Probook 430 G3 - Chi Nguyễn Thị Bích Thủy	01701.01.030208.001	1	15.536.400	12.429.120	0			1	Chuyển công tác về đầu tư P. KHTC	
9 ✓	Máy tính xách tay HP Probook 430 G3 - TS. Thanh Nga - Khoa Sử	01701.01.030208.002	1	15.536.400	12.429.120	1					
10 ✓	Máy tính HP Probook 430 G3 - Chi Hải Yến	01701.01.030208.003	1	15.536.400	12.429.120	1					
11 ✓	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Nguyễn Hồng Vinh	01701.01.030209.004	1	21.150.000	21.150.000	1					
12 ✓	Điều hòa LG 12 BTU - VP 2016	01701.01.030501.001	1	12.000.000	10.500.000	0			1	không có khoa chi có 3 gran = 3 cái.	

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	
13	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Xuân Cảnh	01701.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844	1					
14	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Anh Chương	01701.02.030000.005	1	14.064.223	2.812.844	1					
15	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thế Cường	01701.02.030000.006	1	14.064.223	2.812.844	1					
16	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thanh Hà	01701.02.030000.007	1	14.064.223	2.812.844	1					
17	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Văn Hào	01701.02.030000.008	1	14.064.223	2.812.844	1					
18	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quang Hồng	01701.02.030000.009	1	14.064.223	2.812.844	1					
19	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Nguyễn T. Hương	01701.02.030000.010	1	14.064.223	2.812.844	1					
20	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Công Khanh	01701.02.030000.011	1	14.064.223	2.812.844	1					
21	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Bình Minh	01701.02.030000.012	1	14.064.223	2.812.844	1					
22	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Vũ Tài	01701.02.030000.013	1	14.064.223	2.812.844	1					
23	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Việt Thu	01701.02.030000.014	1	14.064.223	2.812.844	1					
24	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Văn Tuấn	01701.02.030000.015	1	14.064.223	2.812.844	1					
25	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trọng Văn	01701.02.030000.017	1	14.064.223	2.812.844	1					
26	Máy tính để bàn Acer Veriton X4620G	01701.07.030000.002	1	18.364.500	11.018.700	0			1		
27	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	01701.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1					
28	Điều hòa LG 12000 BTU	01701.00.110000.003	1	7.100.000		1					
29	Điều hòa LG 12000 BTU	01701.00.110000.004	1	7.100.000		1					
30	Điều hòa LG 12000 BTU	01701.00.110000.005	1	7.100.000		1					

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
32	Máy in HP LaserJet P2035	01701.00.120000.006	1	6.100.000		1						
33	Máy in HP LaserJet P2035	01701.00.120000.007	1	9.387.500		0			1	không số		
34	Máy in HP LaserJet P2035	01701.00.120000.008	1	9.351.500		0			1	không số		
35	Máy ghi hình Sony DCR-SR81EB	01701.00.120000.009	1	9.593.730		1						
36	Tủ sắt 2 tầng cửa kính	01701.00.120000.010	1	9.702.000		1						
37	Tủ sắt 2 tầng cửa kính	01701.00.120000.011	1	1.375.000		1						
38	Chế làm việc Văn phòng	01701.00.120000.012	1	1.605.010		1						
39	Chế thủ thư G1	01701.00.120000.013	20	2.592.013		2						
40	Bàn sơn DT 1880 H35 (1,8m)	01701.00.120000.014	2	453.086	-679.629	2						
41	Bàn sơn DT 1880 H35 (1,8m)	01701.00.120000.015	1	4.472.000		1						
42	Bàn sơn DT 1880 H35 (1,8m)	01701.00.120000.016	1	2.540.000		1						
43	Chế xay đá (TP/TK/GD)	01701.00.120000.017	1	4.170.000		1						
44	Bàn hợp CT201CH6 (2m)	01701.00.120000.018	1	3.770.000		1						
45	Chế mã TH05 (ghế da)	01701.00.120000.019	6	7.417.272		6						
46	Bàn hợp CT201CH6 (2m)	01701.00.120000.020	1	3.390.000		1						
47	Chế Hoa Phát (ghế xếp màu xanh)	01701.00.120000.021	20	8.400.000		26						
48	Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01701.00.120000.022	3	8.550.000		4			1			
49	Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	01701.00.120000.023	2	5.860.000		1						
50	Chế làm việc G2	01701.00.120000.024	1	486.888		1						
51	Tủ sơn 1,84 m	01701.00.120000.025	1	7.120.000		1						
52	Tủ sơn 1,35 m	01701.00.120000.026	1	5.260.000		1						
Cộng			98	553.041.041	179.151.171							

Nghệ An, Ngày 29 tháng 12 năm 2017

Bộ phận kiểm kê

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

Phạm Thị Cảnh
 Nguyễn Văn Tuấn
 Trần Anh Tuấn

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC

- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Nguyễn Thị Thuý

- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHQA.VAN.-VP

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	Nguyên giá	GTCL
1	-Máy tính lenovo Think centre Edge	02001.00.030000.010	1	11.149.243	2.229.848	0	0	0	0	0
2	-Máy ảnh Cannon 700D	02001.00.030000.011	1	26.350.000	15.810.000	1	26.350.000	15.810.000	0	0
3	-Camera Sony Handycam HDR 820E	02001.00.030000.012	1	32.500.000	19.500.000	1	32.500.000	19.500.000	0	0
4	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Quỳnh Nga	02001.00.030203.001	1	16.896.000	10.137.600	1	16.896.000	10.137.600	0	0
5	-Máy tính xách tay Acer TM 8472TG	02001.02.030000.001	1	20.000.000	4.000.000	1	20.000.000	4.000.000	0	0
6	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trọng Canh	02001.02.030000.002	1	14.064.223	2.812.844	1	14.064.223	2.812.844	0	0
7	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Sao Chi	02001.02.030000.003	1	14.064.223	2.812.844	1	14.064.223	2.812.844	0	0
8	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Minh Điển	02001.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844	1	14.064.223	2.812.844	0	0
9	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Huy Dũng	02001.02.030000.005	1	14.064.223	2.812.844	1	14.064.223	2.812.844	0	0
10	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Văn Hạnh	02001.02.030000.007	1	14.064.223	2.812.844	1	14.064.223	2.812.844	0	0
11	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Đặng Lưu	02001.02.030000.008	1	14.064.223	2.812.844	1	14.064.223	2.812.844	0	0
12	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Trịnh T Mai	02001.02.030000.009	1	14.064.223	2.812.844	1	14.064.223	2.812.844	0	0

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
13	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quỳnh Nga	02001.02.030000.010	1	14.064.223	2.812.844	1						
14	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Văn Nguyễn	02001.02.030000.011	1	14.064.223	2.812.844	1						
15	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hỗ Quang	02001.02.030000.012	1	14.064.223	2.812.844	1						
16	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Xuân Triều	02001.02.030000.013	1	14.064.223	2.812.844	1						
17	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Vũ Tuấn	02001.02.030000.014	1	14.064.223	2.812.844	1						
18	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Quỳnh Nga	02001.02.030203.001	1	16.896.000	10.137.600	1						
19	- Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	02001.07.030000.001	1	13.508.000	8.104.800	01						
20	- Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Quỳnh Nga	02001.07.030203.001	1	16.896.000	10.137.600	1						
21	- Máy tính để bàn Dell Optiplex 3020MT-Xuân Đức	02001.09.030104.001	1	18.500.000	14.800.000	1						
22	- Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	02001.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1						
23	- Quạt cây Thái	02001.00.110000.001	2	734.000		2						
24	- Điều hòa LG 12000 BTU	02001.00.110000.002	1	7.100.000		1						
25	- Điều hòa LG 12000 BTU	02001.00.110000.003	1	7.100.000		1						
26	- Điều hòa LG 12000 BTU	02001.00.110000.004	1	7.100.000		1						
27	- Máy in Laze HP 1160	02001.00.110000.005	1	6.336.750		1						
28	- Máy in HP LaserJet P2035	02001.00.110000.006	1	6.100.000		1						
29	- Tủ sắt á đông	02001.00.120000.001	2	2.953.435		2						
30	- Tủ sắt 2 tầng cửa kính	02001.00.120000.002	1	1.691.521		1						
31	- Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	02001.00.120000.003	2	5.860.000		2						
32	- Bàn họp 3012 (3m)	02001.00.120000.004	1	3.390.000		1						
33	- Bàn họp CT2010H6 (2m)	02001.00.120000.005	1	3.770.000		1						

Thủ lý năm 2016 có bị sai sót là: 1/

TLSS

CV HT. TLSS

CV Văn phòng
Thị Nguyễn

Xử lý

VP

TK

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
34	-Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	02001.00.120000.006	1	4.472.000		1	TK		
35	-Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	02001.00.120000.007	3	8.550.000		3			
36	-Bàn sơn OD1200A (1,0m - kềm)	02001.00.120000.008	1	2.540.000		1	TK		
37	-Chế xoay da (TP/TK/GĐ)	02001.00.120000.009	1	4.170.000		1			
38	-Chế mã TH105 (ghế da)	02001.00.120000.010	5	6.181.060	6.181.060	1			
39	-Chế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	02001.00.120000.011	19	7.980.000		19			
40	-Bảng khung nhôm	02001.00.120000.012	1	1.050.000		1			
41	-Tủ đựng tài liệu sắt 4 cánh	02001.00.120000.013	1	1.919.197		1			
42	-Bảng khung nhôm	02001.00.120000.014	1	2.100.000		1			
43	-Tủ sơn 1,84 m	02001.00.120000.029	1	7.120.000		1			
44	-Tủ sơn 1,35 m	02001.00.120000.030	1	5.260.000		1	TK		
45	-Hộc vi tính 3 ngăn Dafuco	02001.00.120000.031	1	2.300.000		1			
46	-Tủ sơn 1,35 m	02001.00.120000.032	1	5.260.000		1			
47	-Tủ sơn 1,35 m	02001.00.120000.033	1	5.260.000		1			
48	-Chế gấp G01S - 440x515x850mm	02001.01.120000.001	20	9.000.000		20			
	Cộng		94	491.505.082	149.637.356				

Nghệ An, Ngày 08 tháng 01 năm 2018

Bộ phận kiểm kê

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

[Signature]

[Signature]

Trần Thị Hương

Nguyễn Thị Hương

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
- Ông (bà):
- Ông (bà):

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
- Ông (bà): Chức vụ:
- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy in HP P2035	02701.00.030000.036	1	7.254.720	4.352.832	1	Chị Xuân					
2	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Giang	02701.00.030000.040	1	15.360.000	3.072.000	1						
3	-Máy in mã vạch EZ 1100P Godex	02701.00.030000.042	1	13.800.000	5.520.000	1						
4	-Máy kiểm kho CPT8000L	02701.00.030000.047	1	17.100.000	6.840.000	1						
5	-Máy kiểm kho CPT8000L	02701.00.030000.048	1	17.100.000	6.840.000	1						
6	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.050	1	21.225.000	8.490.000	1	A. Dũng					
7	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.051	1	21.225.000	8.490.000	1	Phú					
8	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.052	1	21.225.000	8.490.000	1	Thư Liên					
9	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.053	1	21.225.000	8.490.000	1	Viết Anh - Lý Nam - Thanh Lý					
10	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.054	1	21.225.000	8.490.000	1	A. Tuấn					
11	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.055	1	21.225.000	8.490.000	1	A. Thanh - Diệt Anh Dũng					
12	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.056	1	21.225.000	8.490.000	1	Bao Gray					
13	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.057	1	21.225.000	8.490.000	1	Đào					
14	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.058	1	21.225.000	8.490.000	1	C. Dũng					
15	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.059	1	21.225.000	8.490.000	1	Ưng					
16	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.060	1	21.225.000	8.490.000	1	Xuân					

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSGB	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
17	-Máy tính để bàn All in One ASUS	02701.00.030000.061	1	21.225.000	8.490.000	1	1. Citarang.					
18	-Máy để bàn - Nhật Bản	02701.00.030000.066	1	14.350.000	8.610.000	1	1 → Hồng → Nha.					
19	-Máy tính xách tay VAIO SVD 11215CVB - Dừng	02701.00.030000.068	1	34.534.500	13.813.800	1	1. A. Dũng.					
20	-Máy tính để bàn Acer Veriton M2611G	02701.00.030000.070	1	18.364.500	11.018.700	1	1 Máy chủ					
21	-Máy tính xách tay Sony Vaio VPC-EC25FXB	02701.00.030000.072	1	28.589.000	5.717.800	1	1. Việt Anh → Thu Liên					
22	-Máy tính xách tay Sony Vaio - Việt Anh	02701.00.030201.001	1	38.000.000	15.200.000	1	1. Việt Anh					
23	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Đình Diệu	02701.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400	1	1 Đình Diệu					
24	-Máy in Olivetti PS - phòng thu học phí	02701.01.030305.001	2	31.000.000	24.800.000	2	2 Phòng thu.					
25	-Máy in đơn sắc Olivetti P2 Plus	02701.01.030305.002	1	16.900.000	13.520.000	1	1					
26	-Hệ thống camera phòng thu học phí gồm 4 camera IP Dom 2.0+1 đầu 4 kênh + 1 ổ 6T	02701.01.030701.001	1	25.458.000	25.458.000	1	1					
27	-Máy scan HP scanjet Pro 3000 s2 - Chi Liên	02701.01.031201.001	1	13.800.000	11.040.000	1	1 C. Liên!					
28	-Máy Scan Fujitsu SP-1120 - Chi Liên	02701.01.031202.002	1	12.350.000	12.350.000	1	→ D. Chuyền cho Dũng.					
29	-Máy in HP 2055D	02701.02.030000.001	1	10.340.000	2.068.000	1	1 → Thành lý					
30	-Máy tính Dell Vostro 260	02701.02.030000.017	1	10.898.416	2.179.684	1	1 Chi Hạnh					
31	-Máy Photocopy Canon Image RUNNER 2520	02701.02.030000.018	1	95.996.991	19.199.399	1	1 → Nha.					
32	-Máy chủ IBM System x3200 M3	02701.02.030000.019	1	55.891.000	11.178.200	1	1					
33	-Máy tính xách tay Sony vaio SE13FXS	02701.02.030000.020	1	26.400.000	5.280.000	1	1. A. Tuấn					
34	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - XT	02701.02.030000.022	1	14.064.223	2.812.844	1	1. A. Tuấn					
35	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Việt Dũng	02701.02.030000.023	1	14.064.223	2.812.844	1	1. A. Dũng					
36	-Hệ thống Camera - Phòng KHTC	02701.06.030000.001	1	28.500.000	17.100.000	1	1					

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
37	-UPS Online 3KVA - Dùng cho máy chủ	02701.06.030000.003	1	27.500.000	16.500.000	1						
38	-máy tính xách tay Sony VaiO SVE14126	02701.07.030201.001	1	23.485.000	14.091.000	1	1. Hoàng					
39	-Phần mềm kiểm kê tài sản	02701.00.080101.001	1	33.500.000	13.400.000	1						
40	-Phần mềm Cyber	02701.00.080101.003	2	429.950.000	210.604.000	1						
41	-Phần mềm quản lý học phí CMC	02701.00.080102.002	2	1.235.000.000	784.000.000	1						
42	-Két bạc cỡ lớn 175E	02701.00.110000.001	1	1.800.000		1	1. Chai, không					
43	-Két bạc	02701.00.110000.002	1	1.850.000		1						
44	-Máy in canon 3300	02701.00.110000.010	3	13.800.000		3	Dùng + Phải + Bảo Garang.					
45	-Máy Fax Panasonic KX MB2030	02701.00.110000.015	1	7.950.000		0	→ đã đổi chuyển.					
46	-Máy in HP laser Pro 400 M401d	02701.00.110000.017	1	9.462.000		1	A. Dũng					
47	-Cây nước nóng lạnh Hyundai 300	02701.01.110000.001	1	4.800.000		1						
48	-Quạt cây Mitsubishi	02701.01.110000.002	1	1.800.000		1						
49	-Máy hủy tài liệu Bingo C35	02701.01.110000.003	1	7.500.000		1	A. Dũng					
50	-Máy hủy giấy Bingo C35 - A Tuấn	02701.01.110000.004	1	7.700.000		1	A. Tuấn					
51	-Máy in HP Laser jet Pro M402 - Thu Liên - 2017	02701.01.110102.001	1	8.500.000	8.500.000	1	Thu Liên					
52	-Bàn hợp CT2010H6 (2m)	02701.00.120000.003	1	3.770.000		1	VRo.					
53	-Bàn tròn	02701.00.120000.004	1	550.000		1	Bắt nước.					
54	-Ghế xoay da (TP/TK/GĐ)	02701.00.120000.005	3	12.510.000		3	- A. Tuấn + A. Dũng + VRo.					
55	-Ghế mã THT05 (ghế da)	02701.00.120000.007	10	12.362.121		8	10. VRo.					
56	-Ghế tiếp khách (ghế da cũ)	02701.00.120000.008	8	9.397.304		4						
57	-Tủ sắt Hoà Phát cửa kính	02701.00.120000.012	4	6.420.000		4						
58	-Bàn sơn 1.4m	02701.00.120000.018	1	2.850.000		1	A. Tuấn					
59	-Tủ sắt Hoà Phát 2 cánh	02701.00.120000.021	16	22.000.000		16	(Đã thanh lý 1)					
60	-Tủ đựng tài liệu sắt	02701.00.120000.022	2	3.838.394		2						
61	-tủ sắt á đóng	02701.00.120000.023	1	1.476.717		1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
62	- Tủ sắt Hoà Phát, Xuân Hòa 4 cánh	02701.00.120000.024	3	4.090.572		3						
63	- Tủ sơn 1,84 m	02701.00.120000.027	1	7.120.000		1						
64	- Tủ sơn 1,35m	02701.00.120000.028	1	5.260.000		1						
65	- Tủ sơn 1,35m	02701.00.120000.029	1	5.260.000		1						
66	- Tủ sơn 1,35	02701.00.120000.030	1	5.260.000		1						
67	- Bàn OD 1200A	02701.01.120000.001	1	2.950.000	2.950.000	1						
68	- Tủ két TU 09K6B	02701.01.120000.002	6	46.200.000	46.200.000	6						
69	- Tủ két TU 09K6B	02701.01.120000.003	1	7.700.000	7.700.000	1						
70	- Bàn làm việc kế toán viên	02701.06.120000.001	14	88.088.000		14						
71	- Ghế làm việc nhân viên - Phòng KT	02701.06.120000.002	14	27.720.000		14						
72	- Tủ tài liệu sắt	02701.06.120000.003	26	91.520.000		26						
73	- Tủ nước	02701.06.120000.004	1	4.089.800		1						
	Cộng		173	3.025.256.481	1.446.773.503							

Nghệ An, Ngày tháng năm 201....

Bộ phận kiểm kê

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê

(Signature)

Nguyễn Công Hoàng

.....

TRƯỞNG ĐƠN VỊ

25

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng
Ông (bà): *Đe Thị Thuong* VP Khoa
Ông (bà):

Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC
Ông (bà): Chức vụ:
Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính lenovo Think centre Edge	00301.00.030000.009	1	11.149.243	2.229.848	1						VP
2	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Sơn	00301.00.030000.010	1	15.360.000	3.072.000	1						
3	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Định	00301.00.030000.011	1	15.360.000	3.072.000	1						
4	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Huy	00301.00.030000.012	1	15.360.000	3.072.000	1						
5	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Bình	00301.00.030000.013	1	14.064.223	2.812.844	1						
6	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Thiện	00301.00.030000.014	1	14.064.223	2.812.844	1						
7	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Đặng Bằng	00301.00.030000.015	1	14.064.223	5.625.688	1						TK
8	-Máy tính để bàn cho HS Dell Optiplex	00301.00.030000.016	1	15.821.300	9.492.780	1						VP
9	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3010	00301.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	1						
10	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Cao Nguyễn	00301.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400	1						
11	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599 - Minh Huyền	00301.00.030202.002	1	25.411.000	10.164.400	1						
12	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Vân chung	00301.00.030203.002	1	16.896.000	6.758.400	1						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
13	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Cổ Bình	00301.00.030203.003	1	16.896.000	6.758.400	1						
14	-Máy tính xách tay HP Probook 430, G4 - GV Phan Văn Tuấn -2017	00301.01.030209.001	1	21.150.000	21.150.000	1						
15	-Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Trần Cao Nguyễn -2017	00301.01.030209.002	1	21.150.000	21.150.000	1						
16	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Dương	00301.02.030000.001	1	14.064.223	2.812.844	1						
17	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cổ Lê	00301.02.030000.003	1	14.064.223	2.812.844	1						
18	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thầy Quang	00301.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844	1						
19	-Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	00301.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1						VP
20	-Máy in Canon LBP 3300	00301.00.110000.002	1	3.900.000		1						VP
21	-Điều hòa LG 12000 BTU	00301.00.110000.004	1	7.100.000		1						VP
22	-Điều hòa LG 12000 BTU	00301.00.110000.005	1	7.100.000		1						VP
23	-Điều hòa LG 12000 BTU	00301.00.110000.006	1	7.100.000		1						VP
24	-Máy in HP laser Pro 400 M402D - VP Khoa GDTC - 2017	00301.01.110102.001	1	8.800.000	8.800.000	1						TK
25	-Tủ sắt 2 tầng cửa kính	00301.00.120000.005	1	1.605.010		1						TK
26	-Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	00301.00.120000.010	1	4.472.000		1						TK
27	-Bàn sơn OD1200A (1,0m - kém)	00301.00.120000.011	1	2.540.000		1						TK
28	-Ghế xoay da (TP/TK/GP)	00301.00.120000.012	1	4.170.000		1						TK
29	-Bàn hợp CT2010H6 (2m)	00301.00.120000.013	1	3.770.000		1						TK
30	-Ghế mã TH105 (ghế da)	00301.00.120000.014	6	7.417.272		5						VP
31	-Bàn hợp 3012 (3m)	00301.00.120000.015	1	3.390.000		1						
32	-Ghế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	00301.00.120000.016	20	8.400.000		19						
33	-Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	00301.00.120000.017	3	8.550.000		3						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
34	- Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	00301.00.120000.018	2	5.860.000		2						VP
35	- Tủ sắt Hoà Phát 2 cánh	00301.00.120000.020	1	1.947.307		1						VP
36	- Tủ đựng tài liệu sắt 4 cánh	00301.00.120000.021	2	3.838.394		2						VP
37	- Bảng khung nhôm	00301.00.120000.022	1	1.050.000		1						VP
38	- Bảng khung nhôm 1,2 m	00301.00.120000.027	1	1.050.000		1						TK
39	- Tủ sơn 1,84 m	00301.00.120000.028	1	7.120.000		1						TK
40	- Tủ sơn 1,35 m	00301.00.120000.029	1	5.260.000		1						TK
	Cộng		68	429.069.064	143.526.456							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 28 tháng 12 năm 2017

Bộ phận kiểm kê

Thư
Trưởng ban

Thư
Kế toán trưởng

- Máy in Canon 3300. TK.

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHQA.CNTI...-VP

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Minh Tâm	00201.00.030000.010	1	15.360.000	3.072.000	01						
2	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quang Ninh	00201.00.030000.011	1	15.360.000	3.072.000	01						
3	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thu Hiền	00201.00.030000.012	1	15.360.000	3.072.000	01						SPTU
4	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hữu Việt	00201.00.030000.014	1	16.896.000	6.758.400	01						Viết HS-NT
5	-Máy tính để bàn Dell Optiplex 3110	00201.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	01						
6	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599	00201.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400	01						
7	-Máy tính xách tay Asus K55VD SX599	00201.00.030202.002	1	25.411.000	10.164.400	01						
8	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Nguyễn Ngọc Hiếu	00201.00.030203.003	1	16.896.000	6.758.400	01						KĐCL
9	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Văn Minh	00201.00.030203.004	1	16.896.000	6.758.400	01						
10	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hữu Việt	00201.00.030203.007	1	16.896.000	6.758.400	01						Thuế
11	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hồng Văn	00201.00.030203.008	1	16.896.000	6.758.400	01						10 có
12	-Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Đặng Hồng Lĩnh	00201.01.030209.001	1	21.150.000	21.150.000	01						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
13	-Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 2016 - GV Cao Thanh Sơn	00201.01.030209.002	1	21.150.000	21.150.000	01		21.150.000				SPTN
14	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450, Lê Na	00201.02.030000.005	1	14.064.223	2.812.844			2.812.844				SPTN
15	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Kim Canh	00201.02.030000.006	1	14.064.223	2.812.844			2.812.844				
16	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Anh Phong	00201.02.030000.007	1	14.064.223	2.812.844	01		2.812.844				
17	-Máy tính học viên Lenovo think Centre E 72	00201.07.030000.001	1	13.508.000	8.104.800	01		8.104.800				
18	-Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M - T	00201.07.030205.001	1	20.790.000	12.474.000	01		12.474.000				Thầy cái
19	-Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	00201.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	01		14.844.720				
20	-Điều hòa LG 12000 BTU	00201.00.110000.003	1	7.100.000		01						
21	-Điều hòa LG 12000 BTU	00201.00.110000.004	1	7.100.000		01						
22	-Điều hòa LG 12000 BTU	00201.00.110000.005	1	7.100.000		01						
23	-Máy in Laser HP khổ A4	00201.00.110000.006	1	7.037.800		01						
24	-Tủ sắt để tài liệu 6 cánh	00201.00.120000.001	2	5.860.000		02						
25	-Bàn họp CT2010H6 (2m)	00201.00.120000.002	1	3.770.000								Ủy Chung, Văn HS NT
26	-Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	00201.00.120000.003	1	4.472.000		1						Ủy Chung, Văn HS NT
27	-Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	00201.00.120000.004	3	8.550.000		03						Ủy Chung, Văn HS NT
28	-Bàn sơn 001200A (1,0m - kém)	00201.00.120000.005	1	2.540.000								
29	-Ghế xoay da (TP/TK/GĐ)	00201.00.120000.006	1	4.170.000								
30	-Ghế mã THT05 (ghế da)	00201.00.120000.007	6	7.417.272								
31	-Ghế Hoà Phát (ghế xếp màu xanh)	00201.00.120000.008	20	8.400.000		20						
32	-Tủ sắt á đồng	00201.00.120000.012	1	1.476.717		01						
33	-Tủ sắt Hoà Phát	00201.00.120000.013	1	1.947.307		01						
34	-Tủ tài liệu sắt 2 cánh	00201.00.120000.014	1	1.375.000		01						

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
35	-Bảng khung nhôm	00201.00.120000.015	1	1.050.000								
36	-Tủ sơn 1,84 m	00201.00.120000.021	1	7.120.000								
37	-Tủ sơn 1,35 m	00201.00.120000.022	1	5.260.000								
38	-Tủ sắt 09K4T	00201.01.120000.001	1	3.200.000								
	Cộng		65	435.397.965	152.606.452							

Nghệ An, Ngày 22 tháng 11 năm 2017

Bộ phận kiểm kê

Đơn vị sử dụng

Kế toán trưởng

Trưởng ban kiểm kê



Đào Thị Lệ



Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà): Chức vụ: C.V. - VP

- Ông (bà): Chức vụ: C.V. - VP

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: VIỆN KỸ THUẬT VÀ CÔNG NGHỆ

- Ông (bà): Chức vụ: Chuyên viên KHTC

- Ông (bà): Chức vụ:

- Ông (bà): Chức vụ:, kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	Máy tính để bàn Dell Vostro 3669 MT - 2017 - Cẩm Nhung	06901.01.030107.001	1	18.500.000	18.500.000	01						Viện KTCN
2	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Đặng Thái Sơn	06901.01.030209.001	1	21.150.000	21.150.000	01						Viện KTCN
3	Máy in HP Laser jet Pro M402 - 2017 - Cẩm Nhung	06901.01.110102.001	1	8.500.000	8.500.000	01						Viện KTCN
4	- Ghế HT GHT 05	06901.01.120000.001	6	7.200.000	7.200.000	6						Viện KTCN
5	- Ghế SG 912	06901.01.120000.002	3	11.130.000	11.130.000	3						Viện KTCN
6	- Bàn họp CT2412 H5	06901.01.120000.003	1	5.300.000	5.300.000	1						Viện KTCN
	Cộng		13	71.780.000	71.780.000							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, ngày

18/12 năm 20

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

Ông (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KHC

Ông (bà):

Trần - SP.T

Chức vụ:

Hog.

Ông (bà):

Chức vụ:

Vien

Ông (bà):

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại:

SP.T.N.

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			Sl	Nguyên giá	GTCL	Sl	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	
1	Máy tính xách tay HP Probook 450 Q4 - GV Bá Huân - 2017	06701.01.030208.001	1	21.150.000	21.150.000	1	21.150.000	21.150.000			
2	Máy tính xách tay HP Probook 450 Q4 - GV Trương Thị Dung	06702.01.050208.001	1	21.150.000	21.150.000	1	21.150.000	21.150.000			
3	Máy in HP Laser Pro 400 V462D - GV.N. - 2017	06701.01.110102.001	1	8.800.000	8.800.000	1	8.800.000	8.800.000			
4	Máy in HP Laser Pro 400 V462D - GV.N. - 2017	06701.01.110102.002	1	8.800.000	8.800.000	1	8.800.000	8.800.000			
5	Máy in HP Laser Pro 400 V462D - VP ngành Toán - 2017	06702.01.110102.001	1	8.800.000	8.800.000	1	8.800.000	8.800.000			
6	Bàn CD 1200A (12m)	06701.01.120000.001	1	2.950.000	2.950.000	1	2.950.000	2.950.000			
7	TỦ CASH	06701.01.120000.002	3	10.050.000	10.050.000	3	10.050.000	10.050.000			
8	Chế HT GHT Q5	06703.01.120000.001	2	2.400.000	2.400.000	2	2.400.000	2.400.000			
9	Chế SG 9-2	06703.01.120000.002	2	7.420.000	7.420.000	2	7.420.000	7.420.000			
10	Bàn họp CT2412 H5	06703.01.120000.003	1	5.300.000	5.300.000	1	5.300.000	5.300.000			
11	Bàn CD 1200A	06703.01.120000.004	1	2.950.000	2.950.000	1	2.950.000	2.950.000			
	Cộng		15	99.770.000	99.770.000	15	99.770.000	99.770.000			

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 02 tháng 04 năm 2017.

Bộ phận kiểm kê

BIÊN BẢN KIỂM KÊ TÀI SẢN 2017

Đơn vị: ..Viện..S.P.T.N...ly

Danh mục tài sản không có trên sổ sách nhưng đang hiện hữu tại đơn vị

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, dụng cụ	DVT	SL	Ghi chú
1	Bàn Sơn 2,4m	Cái	01	VP
2	Bàn Sơn 1,2m	Cái	01	01 P. Viện phó
3	Ghế xoay da SL912	Cái	02	P. Viện phó
4	Ghế tựa da	Cái	06	P. Viện Phó

BAN KIỂM KÊ

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG


 Phan Thị Thuý Hà


 Trần Anh Tuấn 65

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

Ông: Chức vụ: Phó hiệu trưởng

Ông (bà):

Ông (bà):

Chức vụ: Chuyên viên KTC

Chức vụ:

Chức vụ:

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA TOÁN VP kết quả như sau:

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	
1	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Nguyễn Thị Thế	01901.00.030000.011	1	15.360.000	3.072.000	1					
2	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Đinh Phong	01901.00.030000.013	1	16.896.000	10.137.600	1					
3	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450	01901.00.030000.014	1	15.360.000	3.072.000	1					
4	Máy tính để bàn Dell OptiPlex 3010	01901.00.030101.001	1	15.538.000	3.107.600	1					
5	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Hồng Văn	01901.00.030203.001	1	16.896.000	6.758.400	1					
6	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Huy Chiêu	01901.00.030203.002	1	16.896.000	10.137.600	1					
7	Máy tính xách tay HP Probook 430 G3 - Anh Dương Xuân Giáp	01901.01.030208.001	1	15.536.400	15.225.672	1					
8	Máy tính HP Probook 430 G3 - Anh Kiều Phương Chi	01901.01.030208.002	1	15.536.400	12.429.200	1					
9	Máy tính xách tay HP Probook 430 G3 - TS Nguyễn Hữu Quang	01901.01.030208.003	1	15.536.400	12.429.120	1					
10	Máy tính xách tay HP Probook 430 G4 - GV Nguyễn Ngọc Bích	01901.01.030209.004	1	21.150.000	21.150.000	1					
11	Máy tính xách tay Acer TM 8472TG	01901.02.030000.002	1	20.000.000	4.000.000						
12	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Duy Bình	01901.02.030000.003	1	14.064.223	2.812.844	1					

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán		Theo kiểm kê		Chứng tích		Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
13	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Xuân Chung	01901.02.030000.005	1	14.064.223	2.812.844	1			
14	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Bắc Thu Hà	01901.02.030000.008	1	14.064.223	2.812.844	1			
15	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Huy Hoàng	01901.02.030000.010	1	14.064.223	2.812.844	1			
16	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hồng Loan	01901.02.030000.011	1	14.064.223	2.812.844	1			
17	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hữu Quang	01901.02.030000.012	1	14.064.223	2.812.844	1			
18	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Văn Quảng	01901.02.030000.013	1	14.064.223	2.812.844	1			
19	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Chiến Thắng	01901.02.030000.014	1	14.064.223	2.812.844	1			
20	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Hồng Thanh	01901.02.030000.015	1	14.064.223	2.812.844	1			
21	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Quốc Thịnh	01901.02.030000.016	1	14.064.223	2.812.844	1			
22	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Ngọc Diệp	01901.02.030203.001	1	16.896.000	10.137.600	1			
23	Máy tính xách tay VAO SVD 11215CVB - Thầy Ân	01901.04.030204.001	1	34.534.500	13.813.800	1			
24	Máy tính xách tay học viên Lenovo think Centre E 72	01901.07.030000.001	1	13.508.000	8.104.800	1			phụ cô học
25	Máy tính để bàn Acer Veriton X4620G	01901.07.030000.002	1	18.364.500	11.018.700	1			VP
26	Máy tính xách tay Acer Travel Mate P643-M - Hồng Lam	01901.07.030205.001	1	20.790.000	12.474.000	1			
27	Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	01901.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1			VP
28	Điều hòa LG 12000 BTU	01901.00.110000.001	1	7.100.000		1			VP
29	Điều hòa LG 12000 BTU	01901.00.110000.002	1	7.100.000		1			VP

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
32	✓ Đầu cọc LG 12000.003	01901.00.120000.003	1	7.100.000		1						V.Thị
33	✓ Vây sắt LG 12000.004	01901.00.120000.004	1	9.397.590		1						V.Thị
34	✓ Đầu cọc LG 12000.005	01901.00.120000.005	1	6.100.000		1						phụ C6-HA
35	✓ Đầu cọc LG 12000.001	01901.00.120000.001	2	5.880.000		1						VP
36	✓ Đầu cọc LG 12000.002	01901.00.120000.002	1	5.770.000		1						V.Thị
37	✓ Đầu cọc LG 12000.003	01901.00.120000.003	1	4.472.000		1						phụ C6-HA (1)
38	✓ Đầu cọc LG 12000.004	01901.00.120000.004	3	8.550.000		2						chuyên KTCN
39	✓ Đầu cọc LG 12000.005	01901.00.120000.005	1	7.540.000		0						V.Thị
40	✓ Đầu cọc LG 12000.006	01901.00.120000.006	1	2.170.000		1						V.Thị
41	✓ Đầu cọc LG 12000.007	01901.00.120000.007	6	7.417.272		6						V.Thị
42	✓ Đầu cọc LG 12000.008	01901.00.120000.008	20	8.400.000		20						VP
43	✓ Đầu cọc LG 12000.009	01901.00.120000.009	1	1.476.717		1						phụ C6-HA
44	✓ Đầu cọc LG 12000.010	01901.00.120000.010	3	5.757.592		3						chuyên KTCN
45	✓ Đầu cọc LG 12000.011	01901.00.120000.011	1	1.050.000		1						V.Thị
46	✓ Đầu cọc LG 12000.012	01901.00.120000.012	1	2.100.000		1						chuyên KTCN
47	✓ Đầu cọc LG 12000.023	01901.00.120000.023	1	7.120.000		1						V.Thị
48	✓ Đầu cọc LG 12000.024	01901.00.120000.024	1	5.260.000		1						chuyên KTCN
49	✓ Đầu cọc LG 12000.025	01901.00.120000.025	75	558.922.711	200.041.252	75						

Nghệ An, Ngày 29 tháng 12 năm 2012

Done

BuT & more.

Mã đơn vị có quan hệ với NS:

Mã số: C53-HD

(Ban hành theo QĐ số: 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/03/2006 của Bộ trưởng BTC
và sửa đổi, bổ sung theo thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài Chính)

Số:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ

Năm 2017

Ban kiểm kê gồm:

- Ông: Chức vụ: Phó Hiệu trưởng

- Ông (bà): Chức vụ: - VTCN

- Ông (bà): Nguyễn Thị Hằng Chức vụ: HT

Đã kiểm kê TSCĐ và tài sản khác tại: KHOA VẬT LÝ - VP

Chức vụ: Chuyên viên KHTC

Chức vụ:

Chức vụ:

Chức vụ:

kết quả như sau:

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
1	Máy tính xách tay Think centre Edge	01301.00.030000.008	1	11.149.243	2.229.848	01	Đã chuyển cho Phó Viện trưởng	Viện SPTN				5 đ/c chuyển > C.H.
2	Máy tính xách tay Sony Vaio	01301.00.030000.009	1	28.589.000	5.717.800		Không rõ					
3	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Tiến Dũng	01301.00.030000.010	1	16.896.000	10.137.600	1	Đ/C Dũng Viện KTCN					
4	Máy tính để bàn Dell Optiplex 260 AVD-260MTN	01301.00.030101.001	1	15.821.300	3.164.260	1	VPC Viện KTCN					
5	Máy tính xách tay Asus K55VD SX599	01301.00.030202.001	1	25.411.000	10.164.400		(Kb biết của ai)					
6	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Đình Thuận	01301.00.030203.002	1	16.896.000	6.758.400	1	Đ/C Thuận đã chuyển Viện SPTN					
7	Máy tính xách tay Dell Vostro 3460 - Ngọc Hoàng	01301.00.030203.003	1	16.896.000	6.758.400	1	Đ/C Hoàng Viện KTCN					
8	Máy tính HP Compaq DX7510MTLCD	01301.02.030000.001	1	14.741.407	2.948.282	1	Đ/C chuyển Viện SPTN					Thầy V. V. L (Trò M. Đ.T) N.T. L.
9	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Chu Văn Lanh	01301.02.030000.003	1	14.064.223	2.812.844	1	Đ/C Lanh chuyển Viện SPTN					
10	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Mai Văn Lưu	01301.02.030000.004	1	14.064.223	2.812.844	1	Đ/C Lưu chuyển TTTTCN					
11	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Nguyễn Văn Phú	01301.02.030000.005	1	14.064.223	2.812.844	1	Đ/C Phú P. Thanh Tra					
12	Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Thanh Công	01301.02.030000.007	1	14.064.223	2.812.844	1	Đ/C Công chuyển Viện SPTN					

Stt	Tên, nhãn hiệu, quy cách TSCĐ	Mã số TS	Theo sổ kế toán			Theo kiểm kê			Chênh lệch			Ghi chú
			SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	SL	Nguyên giá	GTCL	
13	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Cổ Nhĩ	01301.02.030000.009	1	14.064.223	2.812.844	1						
14	-Máy tính xách tay Dell Vostro 3450 - Phạm Thị Phú	01301.02.030000.010	1	14.064.223	2.812.844	1						
15	-Máy tính để bàn cho học viên Lenovo E72	01301.10.030000.001	1	24.741.200	14.844.720	1						
16	-Điều hòa LG 12000 BTU ✓	01301.00.110000.001	1	7.100.000		1						
17	-Điều hòa LG 12000 BTU ✓	01301.00.110000.002	1	7.100.000		1						
18	-Máy in HP LaserJet P2035	01301.00.110000.003	1	6.100.000		0						
19	-Điều hòa 2 cục LG 12.000 BTU	01301.00.110000.004	1	9.200.000		1						
20	-Máy in HP 2055d	01301.02.110000.001	1	9.593.730		1						
21	-Bàn hợp 3012 (3m)	01301.00.120000.002	1	3.390.000		1						
22	-Bàn hợp CT2070H6 (2m)	01301.00.120000.003	1	3.770.000		1						
23	-Bàn sơn DT 1890 H35 (1,8m)	01301.00.120000.004	1	4.472.000		1						
24	-Bàn sơn ET 1400C (1,4m)	01301.00.120000.005	3	8.550.000		3						
25	-Bàn sơn 001200A (1,0m - kềm)	01301.00.120000.006	1	2.540.000		1						
26	-Ghế xoay da (TP/TK/GP)	01301.00.120000.007	2	8.340.000		2						
27	-Ghế mã TH105 (ghế da)	01301.00.120000.008	6	7.417.272		6						
28	-Ghế Hoa Phát (ghế xếp màu xanh)	01301.00.120000.009	20	8.400.000		20						
29	-Tủ sắt 4 tầng	01301.00.120000.010	1	1.476.717		1						
30	-Bảng khung nhôm	01301.00.120000.022	2	2.100.000		2						
31	-Bảng khung nhôm 3m	01301.00.120000.027	1	2.100.000		1						
	Cộng		59	347.176.207	79.600.774							

Trưởng ban kiểm kê

Kế toán trưởng

Đơn vị sử dụng

Nghệ An, Ngày 02 tháng 01 năm 2018

Bộ phận kiểm kê

(Signature)
Trần Văn Lợi